

Hải Phòng, ngày 10 tháng 04 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai quyết toán kinh phí năm 2022

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT AN DƯƠNG

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017;

Căn cứ Quyết định số 3668/QĐ-UBND ngày 15/12/2021 về việc giao, phân bổ dự toán năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 1356/QĐ-UBND ngày 15/5/2022, Quyết định số 3622/QĐ-UBND ngày 28/10/2022, Quyết định số 4440/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 về việc phân bổ kinh phí năm 2022

Theo đề nghị của đ/c Kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán kinh phí năm 2022 của Trường THPT An Dương (chi tiết theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông(bà) tổ trưởng Văn phòng, đ/c phụ trách kế toán, các tổ có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

(Ký, đóng dấu...)



HIỆU TRƯỞNG
Th.S. Ngô Quang Hoài

Đơn vị báo cáo: **Trường THPT An Dương**
Mã chương: **422 Loại 070 Khoản 074**
Mã QHNS: **1012485**

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN KINH PHÍ NĂM 2022

I. Số liệu quyết toán:

1. Các khoản thu NNS và các khoản thu hộ, chi hộ:

1.1 Học phí

- Số dư đầu năm: 532.361.471 đồng
- Tổng số thu trong năm: 1.414.259.000 đồng
- Tổng kinh phí được sử dụng trong năm: 1.946.620.471 đồng
- Số nộp vào KB nhà nước: 1.800.725.000 đồng
- Số chi trong năm: 1.291.613.519 đồng
Trong đó: + Bổ sung chi lương, thu nhập tăng thêm: ... 864.162.298 đồng
+ Chi tăng cường CSVN: 17.450.000 đồng
+ Chi nghiệp vụ chuyên môn, vpp: 176.839.750 đồng
+ Trích lập các Quỹ phúc lợi: 53.236.000 đồng
+ Trích lập các Quỹ PT HĐ sự nghiệp: 179.925.471 đồng
- Số dư cuối năm: 655.006.952 đồng

1.2. Học thêm

- Số dư đầu năm: 119.819.669 đồng
- Tổng số thu trong năm: 5.805.498.800 đồng
- Tổng kinh phí được sử dụng trong năm: 5.997.318.469 đồng
- Số nộp vào KB nhà nước: 5.800.000.000 đồng
- Số chi trong năm: 5.271.838.183 đồng
Trong đó: + Chi cho con người : 5.151.654.783 đồng
+ Chi tăng cường CSVN: 10.780.000 đồng
+ Chi nghiệp vụ chuyên môn: 109.403.400 đồng
- Số dư cuối năm: 725.480.286 đồng

1.3. Học nghề

- Số dư đầu năm: 30.612.870 đồng
- Tổng số thu trong năm: 61.209.500 đồng
- Tổng kinh phí được sử dụng trong năm: 91.822.370 đồng
- Số nộp vào KB nhà nước: 70.000.000 đồng
- Số chi trong năm: 68.462.500 đồng
Trong đó: + Chi cho con người: 45.271.500 đồng



+ Chi tăng cường CSVC:20.780.000 đồng
+ Chi nghiệp vụ chuyên môn: 2.411.000 đồng
- Số dư cuối năm:23.359.870 đồng

1.4. Tài trợ CSVC

- Số dư đầu năm: 7.267.009 đồng
- Tổng số thu trong năm: 0 đồng
- Tổng kinh phí được sử dụng trong năm: đồng
- Số nộp vào KB nhà nước:0 đồng
- Số chi trong năm: đồng
Trong đó: + Bỏ sung chi lương: đồng
+ Chi tăng cường CSVC: đồng
+ Chi nghiệp vụ chuyên môn: đồng
- Số dư cuối năm:7.267.009đồng

1.5. Kỹ năng sống

- Số dư đầu năm: 61.402.733 đồng
- Tổng số thu trong năm: 211.382.500 đồng
- Tổng kinh phí được sử dụng trong năm: 272.785.233 đồng
- Số nộp vào KB nhà nước: 270.000.000 đồng
- Số chi trong năm: 205.687.950 đồng
Trong đó: + Chi cho con người: 98.286.250 đồng
+ Chi chuyên môn nghiệp vụ 9.558.000đồng
+ Trả cho trung tâm: 94.227.600 đồng
- Số dư cuối năm: 67.097.283 đồng

1.6. Học tiếng anh có yếu tố nước ngoài

- Số dư đầu năm: 105.536.586 đồng
- Tổng số thu trong năm: 899.568.475 đồng
- Tổng kinh phí được sử dụng trong năm: 1.005.105.061 đồng
- Số nộp vào KB nhà nước: 950.000.000 đồng
- Số chi trong năm: 905.970.433 đồng
Trong đó: + Chi cho con người: 126.795.101đồng
+ Chi tăng cường CSVC: đồng
+ Trả cho Trung tâm: 775.034.067 đồng
+ Chi nghiệp vụ chuyên môn, chi khác: 4.141.265 đồng
- Số dư cuối năm: 99.314.628 đồng

1.7.Nguồn học STEM

- Số dư đầu năm:2.631.300đồng

UC VA
RUON
HOC PHO
N DUC
PHO H

- Tổng số thu trong năm: đồng
- Tổng kinh phí được sử dụng trong năm: đồng
- Số nộp vào KB nhà nước: đồng
- Số chi trong năm: đồng
- Trong đó: + Chi cho con người: đồng
 - + Chi tăng cường CSVC: đồng
 - + Trả cho Trung tâm: đồng
 - + Chi nghiệp vụ chuyên môn: đồng
- Số dư cuối năm: 2 631 300 đồng

1.8.Nguồn coi xe đạp học sinh

- Số dư đầu năm: 147.963.671 đồng
- Tổng số thu trong năm: 940.197.750 đồng
- Tổng kinh phí được sử dụng trong năm: 1.088.161.421 đồng
- Số nộp vào KB nhà nước: 1.000.000.000 đồng
- Số chi trong năm: 647.735.407 đồng
- Trong đó: + Chi cho con người: 456.652.022 đồng
 - + Chi nộp thuế: 67.624.500 đồng
 - + Chi tăng cường CSVC: 130.000.000 đồng
 - + Chi nghiệp vụ chuyên môn: 6.541.115 đồng
- Số dư cuối năm: 440.426.014 đồng

Quyết toán chi ngân sách:

2- Nguồn ngân sách NN

2.1. Ngân sách chi thường xuyên:

- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: 3.9118.925 đồng,
- Dự toán được giao trong năm: 13.508.000.000 đồng,
- Trong đó:
 - + Dự toán giao đầu năm: 13.508.000.000 đồng;
 - + Dự toán bổ sung trong năm: đồng;
 - Kinh phí thực nhận trong năm: 13.508.000.000 đồng;
 - Kinh phí quyết toán: 13.508.000.000 đồng;
 - Kinh phí giảm trong năm: 0 đồng
- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: 39.118.925 đồng,

Bao gồm:

- + Kinh phí đã nhận: đồng;
- + Dự toán còn dư ở Kho bạc: 39.118.925 đồng;



2.2. Ngân sách chi không thường xuyên:

- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: 0 đồng
- Dự toán được giao trong năm: 2.525.209.000 đồng

Trong đó:

- + Dự toán giao đầu năm: 1.395.145.000 đồng
- + Dự toán bổ sung trong năm: 1.130.064.000 đồng
- Kinh phí thực nhận trong năm: 2.525.209.000 đồng
- Kinh phí quyết toán: 2.520.124.000 đồng
- Kinh phí giảm trong năm: đồng
- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán:
..... 5.085.000 đồng

Bao gồm:

- + Kinh phí đã nhận: đồng;
- + Dự toán còn dư ở Kho bạc: 5.085.000 đồng;

3 - Tình hình thực hiện kiến nghị của kiểm toán, thanh tra, cơ quan tài chính

- Tổng số kinh phí phải nộp NSNN: đồng
- Tổng số kinh phí đã nộp NSNN: đồng
- Tổng số kinh phí còn phải nộp NSNN: đồng

II. Nội dung đối chiếu số liệu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ: (Chi tiết từng nguồn)

1. Học phí

- Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm: 655.006.952 đồng

Trong đó:

- Trích lập các Quỹ phúc lợi: 0 đồng
- Trích lập các Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: 0 đồng
- Trích lập các Quỹ Bổ sung thu nhập: 0 đồng
- Kinh phí cải cách tiền lương: 0 đồng

2. Học thêm

- Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm: 725.480.286 đồng

Trong đó:

- Trích lập các Quỹ phúc lợi: đồng
- Cơ sở vật chất: đồng

3. Học nghề

- Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm: 23.359.870 đồng

Trong đó:

- Trích lập các Quỹ phúc lợi: đồng
- Cơ sở vật chất: đồng

4. Tài trợ CSVC

- Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm: 7 267 009 đồng

Trong đó:

- Trích lập các Quỹ phúc lợi: đồng
- Cơ sở vật chất: đồng

5. Kỹ năng Sống

- Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm: 67.097.283 đồng

Trong đó:

- Trích lập các Quỹ phúc lợi: đồng
- Cơ sở vật chất: đồng

6. Học Tiếng Anh Yêu tố người nước ngoài:

- Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm: 99.314.628 đồng

Trong đó:

- Trích lập các Quỹ phúc lợi: đồng
- Cơ sở vật chất: đồng

7. Học STEM

- Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm: 2 631 300 đồng

Trong đó:

- Trích lập các Quỹ phúc lợi: đồng
- Cơ sở vật chất: đồng

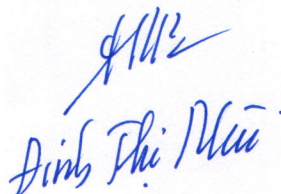
8. Coi xe đạp học sinh

- Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm: 440.426.014 đồng

Trong đó:

- Trích lập các Quỹ phúc lợi: đồng
- Cơ sở vật chất: đồng

LẬP BIỂU


Đinh Thị Miền

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ




HIỆU TRƯỞNG
Th.S. Ngô Quang Hoài